

**CÔNG TY TNHH ZEN CAPITAL HOLDINGS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ZEN CAPITAL HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZEN CAPITAL HOLDINGS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ZEN CAPITAL HOLDINGS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110863376

**3. Ngày thành lập:** 15/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 47 Phương Liệt, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 094 3147081

Fax:

Email: zen.capitalholding@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                           | 1410     |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                        | 1621     |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622     |
| 4.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                  | 1623     |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629     |
| 6.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                    | 2392     |
| 7.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                       | 2394     |
| 8.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                        | 2395     |
| 9.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                            | 3100     |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                        | 4101     |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                  | 4102     |
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt                                                            | 4211     |
| 13. | Xây dựng công trình đường bộ                                                             | 4212     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                    | 4321     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                    | 4322     |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá          | 4610     |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                   | 4620     |
| 18. | Bán buôn thực phẩm                                                                       | 4632     |
| 19. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                     | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá                                                                                                                                           | 4649        |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết : Loại trừ bán buôn thiết bị ngoại vi và camera                                                                                                                      | 4651        |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                   | 4652        |
| 23. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                  | 4662        |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                              | 4663        |
| 25. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Trừ loại nhà nước cấm                                                                                                                                                                                 | 4690(Chính) |
| 26. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                     | 4722        |
| 27. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                      | 4751        |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                 | 4752        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                              | 4759        |
| 30. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                     | 4771        |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí                                                                                                          | 4773        |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                               | 4774        |
| 33. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                      | 4791        |
| 34. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                 | 4799        |
| 35. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                    | 5820        |
| 36. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                | 6201        |
| 37. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                   | 6311        |
| 38. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: trừ hoạt động báo chí                                                                                                                                                                                    | 6312        |
| 39. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                       | 6619        |
| 40. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản 2023);<br>- Tư vấn bất động sản (Điều 66, 67, 68 Luật Kinh doanh bất động sản 2023). | 6820        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                                       | 7020 |
| 42. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310 |
| 43. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>1. Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                         | 7320 |
| 44. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất (Trừ thiết kế công trình xây dựng)                                                                                                                                                                           | 7410 |
| 45. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức, quản lý sự kiện                                                                                                                                                                                                              | 8230 |
| 46. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>– Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>– Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa<br>(Loại trừ dịch vụ bảo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản) | 8299 |
| 47. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                                                                                        | 9000 |
| 48. | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                                                                                                                                                                                                                | 9101 |
| 49. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                | 9321 |
| 50. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                      | 9329 |
| 51. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                          | 9522 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN KIM TÔN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/12/2001 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027201000432

Ngày cấp: 27/03/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu phố Doãn Thượng, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Doãn Thượng, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN KIM TÔN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/12/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027201000432

Ngày cấp: 27/03/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu phố Doãn Thượng, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Doãn Thượng, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội